TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2025/HS-ST
Ngày: 31-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung.

Thẩm phán: Ông Trần Phương Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đây.

Ông Nguyễn Ngọc Thành.

Bà Nguyễn Thị Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đoàn Hữu Phúc - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 142/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 166/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2025/QĐST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2025; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự sơ thẩm số 387/TB-TA ngày 16/7/2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đồng Công T** (tên gọi khác: T, T1 tư), sinh ngày 20 tháng 8 năm 1966 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Giới tính: Nam.

Căn cước công dân số 079066003091 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/9/2022.

Nơi thường trú: 172 đường số E, khu phố B, phường P, thành phố T (nay là phường P), thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện nay: 92 đường số E, khu phố B, phường P, thành phố T (nay là phường P), thành phố Hồ Chí Minh.

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật.

Họ tên cha: Đồng Công T2, đã chết.

Họ tên mẹ: Võ Thị H, sinh năm 1944.

Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; có vợ tên Trần Thị Thúy L, sinh năm 1978 (đã chết) và có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Luật sư Lê Duy Ấ – Văn phòng L1, Đoàn luật sư tỉnh Đ.

- Bị hại:

1/ Anh Doãn Thanh T3, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 8, Quốc lộ A, khu phố B, phường H, thành phố T (nay là phường H), TP Hồ Chí Minh.

2/ Anh Trần Danh T4, sinh năm 1967.

Địa chỉ: D, đường A, Phường A, quận T (nay là phường B), TP Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 4, Phường A, quận G (nay là phường H), TP Hồ Chí Minh.

3/ Ông Đoàn Văn C, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện L (nay là xã P), tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp L, phường T, TP B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai.

2/ Ông Nguyễn Phú Q, sinh năm 1973.

Địa chỉ: F, L, phường P, quận T (nay là phường P), TP Hồ Chí Minh.

3/ Công ty cổ phần Đ.

Địa chỉ: 1, N, phường T, quận T (nay là phường T), TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện: Ông Nguyễn Phú Q – Tổng Giám đốc.

4/ Công ty TNHH X.

Địa chỉ: Số B L, Phường D, TP V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường V, TP Hồ Chí Minh).

Người đại diện: Ông Lê Phạm Văn H2 – Giám đốc.

5/ Công ty cổ phần T5.

Địa chỉ: khu phố P, phường T, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Thành N – Giám đốc.

Bị cáo, luật sư Ấ có mặt; các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đồng Công T có quen biết với anh Trần Danh T4 và anh Cống Mộc S, sinh năm 1987, thường trú: 503, tổ A, ấp N, xã B, huyện T (nay là xã D), tỉnh Đồng Nai và biết T4 và S là người mê tín. Để có tiền tiêu xài, T đã lợi dụng sự mê tín của anh T4 và anh S để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Qua thông tin đại chúng, T biết dự án sân bay L đang chậm tiến độ nên T tự nhận mình là "Thành 363" có khả năng khai mở "Cổng an sinh xã hội" và đưa thông tin giả là T có khả năng giúp người khác trúng thầu được các hạng mục của dự án sân bay L. T chỉ đạo cho anh T4 và anh S đi tìm người mê tín, sau đó huy động tiền đưa cho T để T sẽ giúp nhận được dự án "Xây dựng tường rào sân bay L" và "San lấp mặt bằng khu nhà ở chuyên gia L- sân bay L".

Tháng 6 năm 2020, anh Doãn Thanh T3 (là người chuyên sang lấp mặt bằng) đến nhà anh Nguyễn Thanh H1 chơi thì gặp Cống M. Tại đây, S giới thiệu đang có dự án "San lấp khu nhà ở chuyên gia L với khối lượng 3.000.000m^3 cát" nên anh T3 trao đổi với S về việc muốn thực hiện dự án. Sau đó, S về báo lại với T thì T đồng ý cho anh T3 tham gia gói thầu, nhưng phải ứng trước cho T 700.000.000 đồng và yêu cầu anh T4 đi gặp anh T3 để lấy tiền. Anh T3 tin tưởng nên ngày 24/6/2020 đã chuyển vào tài khoản số 19032062216018 mở tại Ngân hàng T6 do Trần Danh T4 đứng tên chủ tài khoản với số tiền 700.000.000 đồng, sau khi nhận được số tiền trên, anh T4 đã chuyển vào tài khoản của Đồng Công T 500.000.000 đồng, anh T4 giữ lại 200.000.000 đồng do T vay mượn Tuyên trước đó và được T đồng ý. Ngoài ra, cũng với phương thức và thủ đoạn như trên, thực hiện theo chỉ đạo của Đồng Công T, từ ngày 08/5/2020 đến ngày 01/02/2021, anh T4 đã nhiều lần nhận tiền của ông Đoàn Văn Công B hình thức chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng V số 0401001451827 số tiền 2.910.000.000 đồng, sau khi nhận tiền từ ông C, anh T4 đã chuyển vào tài khoản ngân hàng A của Đồng Công T. Đến tháng 10/2022, anh T3 không được giao thực hiện dự án và không liên lạc được anh T4, do anh T3 được anh Nguyễn Thanh H1 cam kết bảo lãnh nên đã làm đơn tố cáo anh H1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ.

Quá trình điều tra, anh Trần Danh T4 khai nhận: Do quen biết với Đồng Công T, anh T4 không biết T làm gì, mà chỉ nghe T tự xưng là "Thành 363", có khả năng khai mở "Cổng an sinh xã hội" và có khả năng giúp cho người có khả năng tài chính trúng thầu xây dựng được dự án "Tường rào sân bay L và khu nhà ở chuyên gia L", đồng thời T yêu cầu anh T4 đứng ra nhận tiền của những người muốn trúng thầu. Do tin tưởng nên anh T4 đã nhận tiền số tiền 700.000.000 đồng của anh Doãn Thanh T3, nhận 2.910.000.000 đồng của ông Đoàn Văn C. Sau khi nhận tiền, anh T4 đã chuyển hết cho Đồng Công T, chỉ giữ lại 200.000.000 đồng do T trả nợ. Anh T4 không hưởng lợi gì từ việc nhận tiền từ ông Đoàn Văn C và anh Doãn Thanh T3. Đồng thời, do tin tưởng T sẽ chia cho tiền sau khi giải ngân được quỹ "Cổng an sinh xã hội" nên anh T4 cũng nhiều lần đưa tiền cho T bằng chuyển khoản và đưa tiền mặt với tổng số tiền 7.572.115.555 đồng để T chiếm đoạt. Tuy nhiên, T chỉ thừa nhận chiếm đoạt số tiền của anh T4 là 3.114.115.555 đồng tiền chuyển khoản, số tiền mặt còn lại là 4.458.000.000 đồng T không thừa nhận nên chỉ đủ căn cứ xác định T chiếm đoạt số tiền 3.114.115.555 đồng như trên.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKS-P1 ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Đồng Công T về tội danh: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo điều khoản nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đồng Công T từ 15 năm đến 17 năm tù. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định, riêng anh Trần Danh T4 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ý kiến bào chữa của luật sư Lê Duy Ấ tại phiên tòa: Tôi thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố tại cáo trạng. Quá trình điều tra, tôi cũng đã tham gia chứng kiến việc hỏi cung bị cáo và bị cáo khai rất tự nguyện, tỏ ra rất ăn năn hối cải. Tại phiên tòa hôm nay, lúc đầu bị cáo khai khác với lời khai trong quá trình điều tra, nhưng sau đó đã khai phù hợp. Bị cáo là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hiện đã lớn tuổi. Quá trình điều tra, bị cáo đã cố gắng bồi thường cho anh Doãn Thanh T3 650.000.000 đồng và tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường tiếp cho anh T3 50.000.000 đồng còn lại, bồi thường cho ông Đoàn Văn C 2.910.000.000 đồng. Điều này thể hiện tinh thần thiện chí của bị cáo. Do đó, tôi đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để tuyên bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Quá trình điều tra, bị cáo Đồng Công T khai nhận: Đồng Công T là người không có nghề nghiệp. Để có tiền tiêu xài, T đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản với thủ đoạn như sau: T tự nhận là "Thành 363" bản thân có quyền năng có thể khai mở "Cổng an sinh xã hội" và có khả năng giúp người khác trúng thầu các hạng mục xây dựng tại sân bay L, qua đó dụ dỗ những người mê tín đưa tiền cho T. T lợi dụng sự tin tưởng của anh Trần Danh T4, giao cho anh T4 đứng ra nhận tiền của người muốn tham gia thi công các dự án tại sân bay L. Từ thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối là có thể xin được thi công dự án "Xây dựng tường rào sân bay L, san lấp khu nhà ở chuyên gia L", T đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Doãn Thanh T3 số tiền 700.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông Đoàn Văn C số tiền 2.910.000.000 đồng,

chiếm đoạt của anh Trần Danh T4 số tiền 3.114.115.555 đồng. Tổng số tiền T chiếm đoạt của các bị hại là 6.724.115.555 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cho rằng không chiếm đoạt số tiền trên của anh Doãn Thanh T3 và ông Đoàn Văn C. Bị cáo chỉ thừa nhận chiếm đoạt của anh Trần Danh T4 nhiều lần, tổng cộng hơn 1.400.000.000 đồng.

Tuy nhiên, qua kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Đồng Công T đã thừa nhận đã lợi dụng lòng tin của các bị hại để chiếm đoạt số tiền 700.000.000 đồng của anh Doãn Thanh T3, chiếm đoạt 2.910.000.000 đồng của ông Đoàn Văn C và chiếm đoạt 3.114.115.555 đồng của anh Trần Danh T4. Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm cũng phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác. Từ đó, có căn cứ xác định Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Đồng Công T về tội danh "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo Đồng Công T gây ra là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội.

Bị cáo Đồng Công T là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, biết rõ việc xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng do cần tiền tiêu xài, bị cáo đã bất chấp pháp luật, đưa những thông tin sai sự thật để chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng số tiền là 6.724.115.555 đồng.

Hành vi của bị cáo T gây ra đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản là khách thể bảo vệ của pháp luật hình sự. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn làm mất lòng tin giữa con người với con người trong cuộc sống. Việc bị cáo chiếm đoạt số tiền 6.724.115.555 đồng đã phạm vào tình tiết định khung "Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo Đồng Công T mức án thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nhằm giáo dục bị cáo trở thành người tốt, đồng thời cũng để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã nhiều lần có hành vi chiếm đoạt tài sản của nhiều bị hại nên bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đồng Công T đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường cho anh Doãn Thanh T3 650.000.000 đồng và được anh T3 bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Sau khi cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Kiến nghị:

Để thực hiện được hành vi phạm tội, Đồng Công T đã nói dối mình có quyền năng vận hành nguồn tiền "mở cổng an sinh xã hội" rồi sẽ nhận được dự án "xây dựng tường rào sân bay L" và "San lấp mặt bằng khu nhà ở chuyên gia L - sân bay L". Đồng Công T liên hệ và thông qua Cống Mộc S, Trần Danh T4 để đưa ra những thông tin sai sự thật nhằm khiến những người khác tin tưởng và giao tiền. Để thực hiện chỉ đạo của T, Cống Mộc S, Trần Danh T4 đã tạo dựng lòng tin cho người khác bằng các hợp đồng khống về việc san lấp – cập mạn giữa Công ty cổ phần Đ QK với Công ty TNHH X ngày 15/8/2020; Hợp đồng san lấp – cập mạn v/v cung cấp cát san lấp tại xã L và xã P, TP B, tỉnh Đồng Nai với Công ty CP T7 Công nhân ngày 15/8/2020. Đây là những hợp đồng không có thật nhưng được người đại diện theo pháp luật của các công ty ký tên, đóng dấu.

Tòa án đã trả hồ sơ yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai làm rõ vai trò, mục đích của các hợp đồng này trong việc tạo dựng lòng tin của T4 đối với các bị hại để các bị hại chuyển tiền cho T4; xác định vị trí, vai trò, trách nhiệm của Trần Danh T4, Nguyễn Phú Q – Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đ, Cống Mộc S, Nguyễn Thanh H1 trong quá trình chiếm đoạt tiền của bị hại, cũng như dấu hiệu đồng phạm trong vụ án. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành văn bản số 858/VKS-P2 ngày 03/6/2025 xác định vẫn giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo Đồng Công T. Do giới hạn trong phạm vi xét xử theo quy định tại Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên nội dung này kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp trên xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo chiếm đoạt của anh Doãn Thanh T3 700.000.000 đồng, đã bồi thường 650.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng.

Bị cáo chiếm đoạt của ông Đoàn Văn C 2.910.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo cho rằng đã đưa lại cho ông C 360.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Doãn Thanh T3 số tiền 50.000.000 đồng và bồi thường cho ông anh Đoàn Văn C số tiền 2.910.000.000 đồng nên ghi nhận.

Quá trình điều tra xác định bị cáo Đồng Công T chiếm đoạt của Trần Danh T4 số tiền 3.114.115.555 đồng, nhưng anh T4 không yêu cầu trong vụ án này nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 91.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đồng Công T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Xử phạt bị cáo Đồng Công T 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/01/2024.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 586, 589 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Đồng Công T phải bồi thường cho anh Doãn Thanh T3 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Buộc bị cáo Đồng Công T phải bồi thường cho ông Đoàn Văn C số tiền 2.910.000.000 đồng (hai tỷ chín trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về án phí: Bị cáo T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 91.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam CA tỉnh ĐN;
- Cơ quan CSĐT – CA tỉnh ĐN;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh ĐN;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh ĐN;
- Bị cáo, luật sư, đương sự;
- Công an cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA